**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÂY DỰNG**

*(Quyết định số 1320/ QĐ - UBND ngày 22/8/2017 Công bố TTHC mới trong lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở quản lý xây dựng chuyên ngành, UBND huyện trên địa bàn tỉnh Cao Bằng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Thủ tục hành chính** | **Trang** |
| 1 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh sử dụng vốn đầu tư công (trừ dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước) do Thành phố, cấp xã quản lý. | 2 |
| 2 | Thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật/Báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh có công trình từ cấp III trở xuống sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND Thành phố, cấp xã quyết định đầu tư. | 15 |
| 3 | Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) có công trình từ cấp III trở xuống đối với Báo cáo kinh tế kỹ thuật sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách do UBND Thành phố, cấp xã quyết định đầu tư. | 28 |
| 4 | Cấp Giấy phép xây dựng (GPXD) đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã; trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt thuộc địa bàn quản lý (trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh) | 47 |
| 5 | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã; trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt thuộc địa bàn quản lý (trừ công trình thuộc thẩm quyên câp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh) | 49 |
| 6 | Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình từ cấp III trở xuống do các phòng chuyên môn Thành phố chủ trì thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công. | 54 |

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh sử dụng vốn đầu tư công (trừ dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước) do Thành phố quản lý
2. **Trình tự thực hiện:**

Bưóc 1: Người đề nghị thẩm định gửi hồ sơ trình thẩm định đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố để thực hiện thẩm định.

* Đối với dự án có ảnh hưởng lớn đến môi trường, nếu chưa có kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thì hướng dẫn người đề nghị thẩm định trình hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để thẩm định, phê duyệt riêng theo quy định pháp luật chuyên ngành.
* Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, thì hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thẩm định và trả lại hồ sơ.

Bước **2**: Phòng Tài chính-Kế hoạch tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định đúng thời hạn quy định.

* Trong thời gian 05 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và 03 ngày làm việc đối với dự án nhóm c kể ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Tài chính- Kế hoạch có trách nhiệm:

+ Gửi hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở đến các cơ quan phối hợp để thẩm định, bao gồm: thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình chuyên ngành đối với thiết kế 1 bước; thẩm định công nghệ dự án (nếu có); thẩm duyệt thiết kế PCCC (nếu có). Thành phần hồ sơ và thời hạn thẩm định theo quy định riêng của từng TTHC.

+ Trường hợp cần thiết, gửi hồ sơ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan đến nội dung khác của dự án. Thời hạn có văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức có liên quan không quá 15 ngày đối với dự án nhóm B và 10 ngày đối với dự án nhóm C.

- Phòng Tài chính – Kế hoạch xem xét, cập nhật kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan; chủ trì thẩm định các nội dung khác của dự án và gửi Thông báo kết quả thẩm định về người đề nghị thẩm định.

Bước **3**: Hoàn chỉnh hồ sơ, đóng dấu thẩm định

- Chủ đầu tư gửi hồ sơ đã hoàn chỉnh về Phòng Tài chính-Kế hoạch. Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính trong thời gian giải quyết TTHC.

* Phòng Tài chính- Kế hoạch có trách nhiệm gửi phần thiết kế cơ sở (hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng chuyên ngành; hồ sơ thiết kế thẩm duyệt PCCC) đến cơ quan phối hợp thẩm định để kiểm tra, đóng dấu thẩm định; thời gian gửi kết quả của cơ quan phối hợp 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ. Phòng Tài chính - Kế hoạch trực tiếp kiểm tra, đóng dấu thẩm định phần nội dung khác của dự án do mình chủ trì thẩm định.
* Thời gian kiểm tra, đóng dấu thẩm định và trả kết quả cho người đề nghị thẩm định không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đã hoàn chỉnh.

Bước 4: Tổng hợp kết quả thẩm định trình Chủ tịch UBND Thành phố hoặc gửi UBND cấp xã, cơ quan được UBND Thành phố phân cấp, ủy quyền xem xét, quyết định.

* Chủ đầu tư bổ sung hồ sơ trình phê duyệt dự án và gửi đến Phòng Tài chính - Kế hoạch.
* Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt, Phòng Tài chính- Kế hoạch tổng hợp, rà soát sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ, dự thảo quyết định đầu tư, có văn bản (kèm hồ sơ trình phê duyệt) trình Chủ tịch UBND Thành phố hoặc gửi UBND cấp xã, cơ quan được UBND Thành phố phân cấp, ủy quyền xem xét, quyết định. Thời gian xem xét, phê duyệt dự án và gửi kết quả về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố không quá 03 ngày làm việc.

Bước **5**: Người đề nghị thẩm định nhận kết quả và nộp phí, lệ phí.

1. Cách thức thực hiện: Người đề nghị thẩm định nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố hoặc thông qua đường bưu điện.
2. **Thành phần,** số**lượng hồ** sơ:

* Đối với hồ sơ trình thẩm định:

+ Tờ trình thẩm định dự án/ dự án điều chỉnh và Danh mục hồ sơ trình thẩm định theo Mau số 01 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ- CP.

+ Hoặc Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế kỹ thuật án điều chỉnh và Danh mục hồ sơ trình thẩm định theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ- CP.

(Thành phần hồ sơ của Dự án điều chỉnh/Báo cáo kinh tế- kỹ thuật điều chỉnh là Danh mục hồ sơ có liên quan trực tiếp đến nội dung phần điều chỉnh và Dự án /Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đã được phê duyệt trước đó).

+ Số lượng: 01 bộ bản chính và bản mềm PDF báo cáo nghiên cứu khả thi/báo cáo kinh tế - kỹ thuật kèm theo (trường hợp không có bản mềm bổ sung số lượng bản phô tô tùy theo số lượng hồ sơ cần lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức).

* Đối với hồ sơ đóng dấu thẩm định

+ Văn bản tiếp thu, giải trình của chủ đầu tư (đối với các nội dung yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nêu tại thông báo kết quả thẩm định).

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh sau khi đã chỉnh sửa, hoặc Báo cáo kinh tế -kỹ thuật/Báo cáo kinh tế -kỹ thuật điêu chỉnh sau khi đã chỉnh sửa.

+ Số lượng: 01 bộ bản chính (người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp file PDF hoặc bản phô tô Báo cáo nghiên cún khả thi/Báo cáo kinh tê-kỹ thuật đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan thẩm định để lưu trữ).

\* Đối với hồ sơ trình phê duyệt:

+ Văn bản trình phê duyệt dự án/dự án điều chỉnh của Phòng Tài chính-Kế hoạch;

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh đã đóng dấu thẩm định, hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh đã đóng dấu thẩm định;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan đến dự án/dự án điều chỉnh: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án, thông báo kết quả thẩm định dự án, tùy theo đặc thù dự án kèm theo: văn bản cung cấp thông tin quy hoạch, quyết định lựa chọn phương án kiến trúc, văn bản phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (kèm bản chụp hồ sơ Báo cáo), ý kiến về giải pháp PCCC đối với thiết kế cơ sở hoặc văn bản thẩm duyệt đối với thiết kế 01 bước (kèm theo bản vẽ đã đóng dấu thẩm duyệt), văn bản thẩm định công nghệ dự án, báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với trường hợp dự án điều chỉnh vượt tổng mức đầu tư và các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1. **Thời hạn giải quyết:**

* Thời gian thẩm định Dự án/Dự án điều chỉnh (bao gồm cả thời gian đóng dấu thẩm định):

+ Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ trình thẩm định hợp lệ;

+ Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ trình thẩm định hợp lệ;

* Thời gian xem xét, phê duyệt Dự án/Dự án điều chỉnh: Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt của chủ đầu tư.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Người đề nghị thẩm định (chủ đầu tư, người được chủ đầu tư ủy quyền bằng văn bản hoặc người quyết định đầu tư giao khi chưa xác định chủ đầu tư).

1. **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND Thành phố, cấp xã; cơ quan được UBND Thành phố phân cấp, ủy quyền.
* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài chính - Kế hoạch.
* Cơ quan phối hợp giải quyết TTHC: Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân câp, Sở Khoa học và Công nghệ; Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh.

1. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

* Thông báo kết quả thẩm định dự án/dự án điều chỉnh; Báo cáo nghiên cứu khả thi/Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh đã đóng dấu thẩm định; Hoặc Thông báo kêt quả thẩm định Báo cáo kinh tê- kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Báo cáo kinh tế -kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế -kỹ thuật điều chỉnh đã đóng dấu thẩm định, văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC .
* Quyết định phê duyệt dự án/dự án điều chỉnh đối với dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tu theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD.

1. Phí, Lệ phí:

* Phí thẩm định dự án, thiết kế cơ sở theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính: Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo.
* Phí thẩm định, phê duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy theo Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính: Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo.

(Cơ quan phối hợp thẩm định thông báo phí, lệ phí nếu có về Cơ quan đầu môi thẩm định để thu và gửi trả cơ quan phối hợp thẩm định)

1. **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

* Mau số 01 Phụ lục II: Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh;
* Mau số 04 Phụ lục II: Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuậư Báo cáo kinh tế kỹ thuật án điều chỉnh.

(Nghị định số 59/2015/NĐ- CPngày 18/6/2015 của Chính phủ)

**k)** **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

1. **Căn cử pháp** lý **của thủ tục hành chính:**

* Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
* Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;
* Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;
* Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quỵ định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiêt kê phòng cháy và chữa cháy;
* Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành quy định một số nội dung quản lý đâu tu và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Phụ lục 01

**Phí thẩm đinh dư án, thiết kế cơsở**

( Điều 4 Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính)

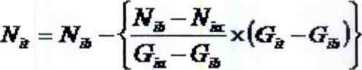
1. Mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở thực hiện theo quy định tại Biểu mức thu phí sau:
2. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| T ổngmức đầu tư dự  án  (tỷ đồng) | < 15 | 25 | 50 | 100 | 200 | 500 | 1.000 | 2.000 | 5.000 | >10.000 |
| Tỷ lệ % | 0,0190 | 0,0170 | 0,0150 | 0,0125 | 0,0100 | 0,0075 | 0,0047 | 0,0025 | 0,0020 | 0,0010 |

1. Phí thẩm định thiết kế cơ sở (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vôn nhà nước ngoài ngân sách, dự án ppp và dự án đâu tư xây dựng sử dụng vốn khác): Mức phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm a Biểu mức thu.
2. Xác định số tiền phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng phải thu:
3. Căn cứ xác định số tiền phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng phải thu là tống mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức thu, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Phí thẩm định  dự án đầu tư | = | Tổng mức đầu tư được phê duyệt | x | Mức thu |

Trường hợp nhóm công trình có giá trị nằm trong khoảng giữa các tổng mức đầu tư ghi trên Biếu mức thu thì phí thẩm định đầu tư phải thu được tính theo phương pháp nội suy như sau:



Trong đó:

+ Nit là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i theo quy mô giá trị cần tính (đơn vị tính: %).

+ Git là quy mô giá trị của nhóm dự án thứ i cần tính phí thẩm định đầu tư (đơn vị tính: giá trị công trình).

+ Gia là quy mô giá trị cận trên quy mô giá trị cần tính phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).

+ Gib là quy mô giá trị cận dưới quy mô giá trị cần tính phí thẩm định (đơn vị tính: giá trị công trình).

+ Nia là phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng Gia (đơn vị tính: %).

+ Niblà phí thẩm định cho nhóm dự án thứ i tương ứng Gib (đơn vị tính: %).

Trong đó mức thu theo tổng vốn đầu tư dự án được quy định tại Biếu mức thu phí.

1. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng phải thu đối với một dự án đầu tư được xác định theo hướng dẫn tại điểm a khoản này nhưng tối đa không quá 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng/dự án.
2. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với khu đô thị mới được xác định theo hướng dẫn tại điểm a khoản này, trong đó tổng mức đầu tư được phê duyệt làm căn cứ tính thu phí không bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt trong dự án.
3. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với công trình quy mô nhỏ (thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật) sử dụng vốn ngân sách nhà nước được xác định theo hướng dẫn tại điếm a khoản này.
4. Xác định số tiền phí thẩm định thiết kế cơ sở phải thu:

Đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác theo quy định của Luật xây dựng và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng (theo phân cấp) chủ trì thẩm định thiết kế cơ sở của dự án thì mức thu phí thẩm định thiết kế cơ sở của dự án bằng 50% phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điếm a Biểu mức thu.

1. Đối với những dự án đầu tư quy định phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, nhưng cơ quan nhà nước không đủ điều kiện thẩm định mà phải thuê chuyên gia, tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định hoặc có yêu cầu chuyên gia, tư vấn thẩm tra hoặc đã có thẩm tra trước khi thẩm định thì cơ quan nhà nước chỉ được thu phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí tương ứng quy định tại điểm a, b Biểu mức thu. Chi phí thuê chuyên gia, tư vấn thẩm tra thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.

**Phụ lục 02**

**Phí thẩm định, phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy**

(Điều 5 Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính)

1. Mức thu phí thẩm duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy (sau đây gọi là mức thu phí thẩm duyệt) đối với dự án xác định theo công thức sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Mức thu phí  thẩm duyệt | = | Tổng mức đầu tư  dự án được phê duyệt | x | Tỷ lệ tính phí |

Trong đó:

- Tổng mức đầu tư dự án được xác định theo quy định tại Nghị định số 32/2015/ NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) trừ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, chi phí sử dụng đất (tính toán trước thuế)..

- Tỷ lệ tính phí được quy định tại Biêu mức tỷ lệ tính phí sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tổng mức đầu tư  (tỷ đồng)  Tỷ lệ tính phí (%) | Đến 15 | 100 | 500 | 1000 | 5000 | Từ  10000 trở lên |
| 1 | Dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông | 0.00671 | 0.00363 | 0.00202 | 0.00135 | 0.00075 | 0.00050 |
| 2 | Dự án, công trình dầu khí, năng lượng, hóa chất | 0.01328 | 0.00718 | 0.00399 | 0.00266 | 0.00148 | 0.00099 |
| 3 | Dự án, công trình dân dụng, công nghiệp khác | 0.00967 | 0.00523 | 0.00291 | 0.00194 | 0.00108 | 0.00072 |
| 4 | Dự án, công trình khác | 0.00888 | 0.00480 | 0.00267 | 0.00178 | 0.00099 | 0.00066 |

Ghi chú: Danh mục dự án, công trình thuộc Mục 1, 2, 3 Biểu mức này xác định theo quy định tại Phụ lục 1 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản sửa đối, bổ sung, thay thế (nếu có). Trường hợp dự án, công trình không thuộc danh mục quy định tại Nghị định nêu trên thì được xác định theo Mục 4 Biểu mức này.

1. Trường hợp dự án có tổng mức đầu tư nằm giữa các khoảng giá trị tổng mức đầu tư của dự án ghi trong Biểu mức tỷ lệ tính phí thì tỷ lệ tính phí được tính theo công thức sau:

Nib - Nia

Nu = Nib - { —- X (Git - Gib)}

Gia - Gib

Trong đó:

* Nit là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i theo quy mô giá trị cần tính (Đơn vị tính: %).
* Gịt là giá trị tổng mức đầu tư của dự án thứ i cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).
* Gia là giá trị tổng mức đầu tư cận trên giá trị tổng mức đầu tư của dự án cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).
* Gib là giá trị tổng mức đầu tư cận dưới giá trị tổng mức đầu tư của dự án cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).
* Nia là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i tương ứng Gia (Đơn vị tính: %).
* Njb là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i tương ứng Gib (Đơn vị tính: %).

1. Mức thu phí thẩm duyệt phải nộp đối với một dự án được xác định theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, mức tối thiểu là 500.000 đồng/dự án và tối đa là 150.000.000 đồng/dự án.
2. Mức thu phí thẩm duyệt đối với dự án đầu tư xây dựng thiết kế cải tạo hoặc thay đối tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình; xây dựng mới hạng mục công trình được xác định theo giá trị tổng mức đầu tư cải tạo hoặc thay đối tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình; thiết kế xây dựng mới hạng mục công trình.

Mẫu Tờ trình thẩm định dự án/thiết kế cơ sở

( Mẫu số 01Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ

TÊN TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định dự án đầu tư** xây **dựng hoặc thiết kế cơ sở**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

1. THÔNG TIN CHƯNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)
2. Tên dự án:
3. Nhóm dự án:
4. Loại và cấp công trình:
5. Người quyết định đầu tư:
6. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
7. Địa điểm xây dựng:
8. Giá trị tổng mức đầu tư:
9. Nguồn vốn đầu tư:
10. Thời gian thực hiện:
11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
12. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

* Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản châp thuận chủ trương đâu tư xây dựng hoặc giây chửng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
* Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyến hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
* Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;
* Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;
* Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
* Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);
* Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
* Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

1. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

* Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
* Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);
* Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

1. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

* Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
* Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC

Nơi nhận: (Ký, ghi rõ họ tên,chức vụ và đóng dấu)

* Như trên;
* Lưu.

Tên người đại diệ

Mẫu Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng

**(Mẫu số 04**Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ

TÊN TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày thángnăm

TỜ TRÌNH

**Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

1. THÔNG TIN CHƯNG CÔNG TRÌNH
2. Tên công trình:
3. Loại, cấp, quy mô công trình:
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,....):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

* Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
* Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
* Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
* Báo cáo tống hợp của chủ đầu tư;
* Và các văn bản khác có liên quan.

1. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

* Hồ sơ khảo sát xây dựng;
* Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
* Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

1. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

* Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

* Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

* Như trên;
* Lưu:

1. **Thẩm định Báo cáo kinh tế-kỹ thuật/Báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh có công trình từ cấp III trở xuống sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND Thành phố, cấp xã quyết định đầu tư.**
2. **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Người đề nghị thẩm định gửi hồ sơ trình thẩm định đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố để thực hiện thẩm định.

* Đối với dự án có ảnh hưởng lớn đến môi trường nếu chưa có kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thì hướng dẫn người đề nghị thẩm định trình hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để thẩm định, phê duyệt riêng theo quy định pháp luật chuyên ngành.
* Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, thì hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thẩm định và trả lại hồ sơ.

Bước 2: Cơ quan chuyên môn về xây dựng (Phòng Kinh tế và Hạ tầng Thành phố hoặc Phòng Quản lý đô thị thành phố) tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định đúng thời hạn quy định.

* Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện thẩm định, trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn vê xây dựng có văn bản thông báo cho người đề nghị thẩm định các nội dung cần thẩm tra đế chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra; thời gian thực hiện thẩm tra không quá 10 ngày.
* Trường hợp cần lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày ngày nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo trích lục hồ sơ (hoặc bản mềm) đến các cơ quan, tổ chức liên quan để lấy ý kiến về nội dung dự án, bao gồm: thẩm định công nghệ dự án (nếu có); thẩm duyệt thiết kế PCCC (nếu có). Thời hạn có văn bản trả lời của cơ quan, tổ chức có liên quan không quá 10 ngày.
* Cơ quan chuyên môn về xây dựng xem xét, cập nhật kết quả thẩm tra, ý kiên các cơ quan, tổ chức liên quan; tổ chức thẩm định các nội dung của dự án và gửi Thông báo kết quả thẩm định về người đề nghị thẩm định để hoàn chỉnh hồ sơ.

Bưóc 3: Hoàn chỉnh hồ sơ, đóng dấu thẩm định

* Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ đã hoàn chỉnh về cơ quan chuyên môn về xây dựng.
* Cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm gửi phần thiết kế PCCC (nêu có) đến cơ quan phối hợp thẩm định đế đóng dấu thẩm duyệt, thời gian gửi kết quả thẩm duyệt về cơ quan chuyên môn về xây dựng trong vòng 02 ngày làm việc. Cơ quan chuyên môn về xây dựng trực tiếp kiểm tra, đóng dấu thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng). Thời gian kiểm tra, đóng dấu thẩm định và trả kết quả cho người đề nghị thẩm định không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đã hoàn chỉnh.

Bưóc 4: Tổng hợp kết quả thẩm định (bao gồm dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn NSNN do Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thẩm định) trình Chủ tịch UBND Thành phố hoặc gửi UBND cấp xã, cơ quan được UBND cấp huyện phân cấp,ủy quyền xem xét, quyết định.

* Chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ trình phê duyệt dự án và gửi đến cơ quan chuyên môn về xây dựng.
* Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt, cơ quan chuyên môn về xây dựng tổng hợp, rà soát sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ, dự thảo quyết định đầu tư, có văn bản (kèm hồ sơ trình phê duyệt) trình Chủ tịch UBND Thành phố hoặc gửi UBND cấp xã, cơ quan được UBND Thành phố phân cấp, ủy quyền xem xét, quyết định.
* Thời gian xem xét, phê duyệt dự án và gửi kết quả về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố không quá 03 ngày làm việc.
* Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố sau khi nhận kết quả, thông báo trả kết quả cho chủ đầu tư ngay trong ngày làm việc.

Bước 5: Người đề nghị thẩm định nhận kết quả và nộp phí theo quy định.

1. Cách thức thực hiện: Người đề nghị thẩm định nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố hoặc thông qua đường bưu điện.
2. **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Thành phần hồ sơ:

\* Đối với hồ sơ trình thẩm định:

+ Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế kỹ thuật án điều chỉnh và Danh mục hồ sơ trình thẩm định theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ- CP.

(Thành phần hồ sơ của Báo cáo kinh tế- kỹ thuật điều chỉnh là Danh mục hồ sơ có liên quan trực tiếp đến nội dung phần điều chỉnh và Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đã được phê duyệt trước đó).

+ Số lượng:01 bộ bản chính và bản mềm PDF báo cáo kinh tế - kỹ thuật kèm theo (trường hợp không có bản mềm bổ sung sổ lượng bản phô tô tùy theo số lượng hồ sơ cần lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức).

\* Đối với hồ sơ đóng dấu thẩm định

+ Văn bản tiếp thu, giải trình của chủ đầu tư (đối với các nội dung yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nêu tại thông báo kết quả thẩm định).

+ Báo cáo kinh tế -kỹ thuật Báo cáo kinh tế -kỹ thuật điều chỉnh sau khi đã chỉnh sửa.

* Số lượng: 01 bộ bản chính (người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp file PDF hoặc bản phô tô Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan thẩm định để lưu trữ).

\* Đối với hồ sơ trình phê duyệt:

+ Văn bản trình phê duyệt dự án/dự án điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

+ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh đã đóng dấu thẩm định;

+ Hoặc Dự án đầu tư xây dựng/dự án điều chỉnh đã đóng dấu thẩm định (trường hợp dự án do cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp trên thẩm định);

+ Các văn bản pháp lý có liên quan đến dự án/dự án điều chỉnh: Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án, thông báo kết quả thẩm định dự án, tùy theo đặc thù dự án kèm theo: văn bản cung cấp thông tin quy hoạch, quyết định lựa chọn phương án kiến trúc, văn bản phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (kèm bản chụp hồ sơ Báo cáo), văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC (kèm theo bản vẽ đã đóng dấu thẩm duyệt), văn bản thẩm định công nghệ dự án, báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với trường hợp dự án điều chỉnh vượt tổng mức đầu tư và các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

* Số lượng: 02 bộ.

1. **Thời hạn giải quyết:**

* Thời gian thẩm định Báo cáo kinh tế -kỹ thuật/Báo cáo kinh tế -kỹ thuật điều chỉnh (bao gồm thời gian kiểm tra, đóng dấu thẩm định): Không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ trình thẩm định hợp lệ.
* Thời gian xem xét, phê duyệt dự án: Không quá 05 ngày làm việc kế từ ngày nhận đủ hồ sơ trình phê duyệt của chủ đầu tư.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đề nghị thẩm định (chủ đầu tư, người được chủ đầu tư ủy quyền bằng văn bản hoặc người quyết định đầu tư giao khi chưa xác định chủ đầu tư).

1. Cơ **quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND Thành phố, UBND cấp xã hoặc cơ quan được ủy quyền
* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị thành phố.
* Cơ quan phối hợp giải quyết TTHC: Sở Khoa học và Công nghệ; Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh.

1. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

* Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; Báo cáo kinh tế -kỹ thuậư Báo cáo kinh tế -kỹ thuật điêu chỉnh đã đóng dấu thẩm định, văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC.
* Quyết định phê duyệt đối với dự án/dự án điều chỉnh .

1. **Phí, Lệ phí:**

* Phí thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật theo Thông tư số 209/2016/TT- BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính: Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo.
* Phí thẩm định, phê duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy theo Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính: Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo.

(Cơ quan phối hợp thẩm định thông báo phí, lệ phí nếu có về Cơ quan đầu mối thẩm định để thu và gửi trả cơ quan phối hợp thẩm định)

1. **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

* Mẫu sổ 04 Phụ lục II: Tờ trình Báo cáo kinh tế- kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế kỹ thuật án diều chỉnh và Danh mục hồ sơ trình thẩm định;

(Nghị định số 59/2015/NĐ- CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

* Mẫu số 03 Phụ lục I: Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng/thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng điều chỉnh.

(Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**: Không quy định

1. **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
* Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
* Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;
* Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;
* Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quỵ định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy;

Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Phụ lục 01

**Phí thẩm định báo cáo kinh tế- kỹ thuật**

1. Xác định số tiền phí thẩm định phải thu:

Tổng mức đầu

Phí thẩm định = tư được phê X Mức thu

duyệt

Trong đó:

* Tổng mức đầu tư được phê duyệt làm căn cứ tính thu phí không bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư.
* Mức thu: 0,0190 %

1. Đối với trường hợp cơ quan nhà nước không đủ điều kiện thẩm định mà phải thuê chuyên gia, tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định hoặc có yêu cầu chuyên gia, tư vấn thẩm tra hoặc đã có thẩm tra trước khi thẩm định thì co quan nhà nước chỉ được thu phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu phí quy định tại điếm 1 trên. Chi phí thuê chuyên gia, tư vấn thẩm tra thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.

Phu luc 02

Phí thẩm định, phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

(Điều 5 Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính)

1. Mức thu phí thẩm duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy (sau đây gọi là mức thu phí thẩm duyệt) đối với dự án xác định theo công thức sau:

Tỷ lệ tính phí

Mức thu phí thẩm =

duyệt

Tổng mức đầu tư

dự ánđược phê’ X

duyệt

Trong đó:

- Tống mức đầu tư dự án được xác định theo quy định tại Nghị định số 32/2015/ NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) trừ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, chi phí sử dụng đất (tính toán trước thuế).

- Tỷ lệ tính phí được quy định tại Biểu mức tỷ lệ tính phí sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tổng mức đầu tư | Đến 15 | 100 | 500 | 1000 | 5000 | Từ |
|  | (tỷ đồng) |  |  |  |  |  | 10000 |
|  | Tỷ iệ tính phí (%) |  |  |  |  |  | trở lên |
| 1 | Dự án, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông | 0.00671 | 0.00363 | 0.00202 | 0.00135 | 0.00075 | 0.00050 |
| 2 | Dự án, công trình dâu khí, năng lượng, hóa chất | 0.01328 | 0.00718 | 0.00399 | 0.00266 | 0.00148 | 0.00099 |
| 3 | Dự án, công trình dân dụng, công nghiệp khác | 0.00967 | 0.00523 | 0.00291 | 0.00194 | 0.00108 | 0.00072 |
| 4 | Dự án, công trình khác | 0.00888 | 0.00480 | 0.00267 | 0.00178 | 0.00099 | 0.00066 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú: Danh mục dự án, công trình thuộc Mục 1, 2, 3 Biểu mức này xác định theo quy định tại Phụ lục 1 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Trường hợp dự án, công trình không thuộc danh mục quy định tại Nghị định nêu trên thì được xác định theo Mục 4 Biếu mức này.

1. Trường hợp dự án có tổng mức đầu tư nằm giữa các khoảng giá trị tống mức đầu tư của dự án ghi trong Biếu mức tỷ lệ tính phí thì tỷ lệ tính phí được tính theo công thức sau:

Nib - Nia

Nu = Nib - { X (Git - Gib)}

Gia - Gib

Trong đó:

* Nịt là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i theo quy mô giá trị cần tính (Đơn vị tính: %).
* Git là giá trị tổng mức đầu tư của dự án thứ i cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).
* Gia là giá trị tổng mức đầu tư cận trên giá trị tổng mức đầu tư của dự án cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).
* Gib là giá trị tổng mức đầu tư cận dưới giá trị tổng mức đầu tư của dự án cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).
* **Nia**là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i tương ứng Gia (Đơn vị tính: %).
* **Nib** là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i tương ứng Gib (Đơn vị tính: %).
* Mức thu phí thẩm duyệt phải nộp đối với một dự án được xác định theo hướng dẫn tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, mức tối thiểu là 500.000 đồng/dự án và tối đa là 150.000.000 đồng/dự án.

Mức thu phí thẩm duyệt đối với dự án đầu tư xây dựng thiết kế cải tạo hoặc thay đối tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình; xây dựng mới hạng mục công trình được xác định theo giá trị tổng mức đầu tư cải tạo hoặc thay đôi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình; thiết kế xây dựng mới hạng mục công trình.

Mẫu Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng

( Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm....

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tẹn chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

1. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH
2. Tên công trình:
3. Loại, cấp, quy mô công trình:
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,....):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

* Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
* Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
* Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
* Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
* Và các văn bản khác có liên quan.

1. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

Hồ sơ khảo sát xây dựng;

* Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
* Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

1. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

* Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

* Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kể, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| Noi nhận:   * Như trên; * Lưu: | ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)  **Tên người đại diện** |

**Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình**

(Mẫu **số** 03 **Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)**

|  |  |
| --- | --- |
| ĐƠN VỊ THẨM TRA | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số:................  V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng côngtrình | , ngày ... tháng ... năm |

**KẾT QUẢ THẨM TRA**

**THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Công trình:

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quỵ định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

- Tên công trình:... Loại, cấp công trình:...

* Thuộc dự án đầu tư: ...
* Chủ đầu tư:...
* Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
* Nguồn vốn:...
* Địa Điểm xây dựng:...
* Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
* Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

1. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA
2. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

1. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:
2. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)
3. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
5. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

1. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình
2. NHẬN XẾT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẲM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

1. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;
2. Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;
3. về đơn giá áp dụng cho công trình;
4. Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

1. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:
2. Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;
3. Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.
4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

* Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

1. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

* Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng cồng trình.
* Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

1. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).
2. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nồ.
3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).
4. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN
5. Nguyên tắc thẩm tra:
6. Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;
7. Về tính đúng dấn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;
8. Về giá trị dự toán công trình.
9. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung chi phí | Giá trị đề nghị thâm tra | Giá trị sau thẩm tra | Tăng, giảm (+;-  ì |
| 1 | Chi phí xây dựng |  |  |  |
| 2 | Chi phí thiết bị (nếu có) |  |  |  |
| 3 | Chi phí quản lý dự án |  |  |  |
| 4 | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng |  |  |  |
| 5 | Chi phí khác |  |  |  |
| 6 | Chi phí dự phòng |  |  |  |
|  | Tổng cộng |  |  |  |

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

1. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).
2. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

* (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)
* (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhàm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**  - Như trên;  - Lưu; | ĐƠN VỊ THẢM TRA  (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) |

1. **Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 1 bước) có công trình từ cấp III trở xuống đối với Báo cáo kinh tế kỹ thuật sử dụng vốn nhà nưóc ngoài ngân sách do UBND Thành phố, cấp xã quyết định đầu tư**
2. **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Người đề nghị thẩm định gửi hồ sơ trình thẩm định đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND câp huyện đê thực hiện thẩm định.

Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, thì hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thẩm định và trả lại hô sơ.

Bước 2: Cơ quan chuyên môn về xây dựng (Phòng Quản lý đô thị thành phố) tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định đúng thời hạn quy định.

* Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dụng không đủ điều kiện thực hiện thẩm định:

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho người đề nghị thẩm định các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 10 ngày. Chủ đàu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dâu thâm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định.

* Cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức thẩm định các nội dung thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng và gửi Thông báo kết quả thẩm định về người đề nghị thẩm định.

Bước **3**: Hoàn chỉnh hồ sơ, đóng dấu thẩm định

* Chủ đầu tư gửi hồ sơ đã hoàn chỉnh về cơ quan chuyên môn về xây dựng để kiểm tra, đóng dấu thẩm định.Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ không tính trong thời hạn giải quyết TTHC.
* Thời gian kiểm tra, đóng dấu thẩm định và trả kết quả cho người đề nghị thẩm định không quá 02 ngày làm việc kế từ ngày nhận hồ sơ hoàn chỉnh.

Bước 4: Người đề nghị thẩm định nhận kết quả và nộp phí, lệ phí theo quy

định.

1. Cách thức thực hiện:

Người đề nghị thẩm định nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố hoặc thông qua đường bưu điện.

1. Thành phần, số lượng hồ sơ:

\* Đối với hồ sơ trình thẩm định:

* Tờ trình thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (thiết kế 01 bước), dự toán/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán điều chỉnh và Danh mục hồ sơ trình thẩm định theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ- CP.

(Thành phần hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh là Danh mục hồ sơ có liên quan trực tiếp đến nội dung phần điều chỉnh và Thiết kế bản vẽ thi công đâ được phê duyệt trước đó).

* Số lượng: 01 bộ bản chính (hoặc bản phô tô đối với trường hợp cơ quan đầu mối thẩm định dự án đề nghị thẩm định).

\* Đối với hồ sơ đóng dấu thẩm định

* Văn bản tiếp thu, giải trình của chủ đầu tư (đối với các nội dung yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nêu tại thông báo kết quả thẩm định).
* Thiết kế bản vẽ thi công (thuyết minh và bản vẽ), dự toán xây dựng /thiết kế bản vẽ thi công,dự toán xây dựng điều chỉnh sau khi đã chỉnh sửa.
* Số lượng hồ sơ: 01 bộ bản chính (người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp file PDF hoặc bản phô tô thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan thẩm định để lưu trữ).

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (bao gồm cả thời gian đóng dấu thẩm định).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đề nghị thẩm định (chủ đầu tư, người được chủ đầu tư ủy quyền bằng văn bản hoặc người quyết định đầu tư giao khi chưa xác định chủ đầu tư)

1. **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC: Phòng Quản lý đô thị
* Cơ quan phối hợp giải quyết TTHC: Sở Khoa học và Công nghệ; Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh.

1. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

* Thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán điều chỉnh;
* Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán điều chỉnh đã đóng dấu thẩm định.

1. **Phí, Lệ phí:**

Phí thẩm định theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính, cụ thể :

1. Xác định số tiền phí thẩm định phải thu:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Phí thẩm định | = | Tổng mức đầu tư được phê duyệt | x | Mức thu |

Trong đó:

* Tổng mức đầu tư được phê duyệt làm căn cứ tính thu phí không bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư.
* Mức thu: Nội suy theo khối lượng công việc thẩm định (0,019 % X67%).

1. Đối với trường hợp cơ quan nhà nước không đủ điều kiện thẩm định mà phải thuê chuyên gia, tư vấn thẩm tra phục vụ công tác thẩm định hoặc có yêu cầu chuyên gia, tư vấn thẩm tra hoặc đã có thẩm tra trước khi thẩm định thì cơ quan nhà nước chỉ được thu phí bàng 50% (năm mươi phàn trăm) mức thu phí quy định tại điểm 1 trên. Chi phí thuê chuyên gia, tư vấn thẩm tra thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng.
2. **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

* Mầu số 04 Phụ lục II: Tờ trình thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán /thiết kế bản vẽ thi công, dự toán điều;

(Nghị định số 59/2015/NĐ- CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

* Mẫu số 03 Phụ lục I: Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, dự toán /thiết kế bản vẽ thi công, dự toán điều chỉnh

(Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

1. **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
* Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hưóng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;
* Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;
* Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Mẫu Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng

( Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm ....

TÒ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tẹn chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

1. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH
2. Tên công trình:
3. Loại, cấp, quy mô công trình:
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,....):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

* Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
* Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
* Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
* Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
* Và các văn bản khác có liên quan.

1. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

* Hồ sơ khảo sát xây dựng;
* Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
* Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

1. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

* Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

-Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

* Chửng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:   * Như trên; * Lưu: | **ĐẠI DIỆN TỎ CHỨC**  Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)  **Tên ngưòì đại diện** |

**Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dụng công trình**

(Mẫu **số** 03 **Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm2016 của Bộ Xây dựng)**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ THẨM TRA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:................  V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng côngtrình | , ngày ... tháng ... năm |

**KẾT QUẢ THẢM TRA**

**THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**Công trình:**

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quỵ định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

* Tên công trình: ... Loại, cấp công trình:...
* Thuộc dự án đầu tư: ...
* Chủ đầu tư:...
* Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
* Nguồn vốn:...
* Địa Điểm xây dựng:...
* Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
* Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

1. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA
2. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

1. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:
2. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)
3. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
5. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

1. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình
2. NHẬN XẾT VÈ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐÊ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xẾt và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận đuợc hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quv cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).
2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.
3. Nhận xẾt, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:
4. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;
5. Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;
6. về đơn giá áp dụng cho công trình;
7. Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).
8. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.
9. KẾT QUẢ THÁM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:
2. Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;
3. Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuấn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

* Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

1. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

* Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.
* Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

1. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).
2. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.
3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).
4. KẾT QUẢ THẨM TRA Dự TOÁN
5. Nguyên tắc thẩm tra:
6. Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;
7. Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;
8. Về giá trị dự toán công trình.
9. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung chi phí | Giá trị đề nghị thẩm tra | Giá trị sau thẩm tra | Tăng, giảm (+;- ) |
| 1 | Chi phí xây dựng |  |  |  |
| 2 | Chi phí thiết bị (nếu có) |  |  |  |
| 3 | Chi phí quản lý dự án |  |  |  |
| 4 | Chi phí tư vấn đàu tư xây dựng |  |  |  |
| 5 | Chi phí khác |  |  |  |
| 6 | Chi phí dự phòng |  |  |  |
|  | Tổng cộng |  |  |  |

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

1. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).
2. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện đế triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẢM TRA CỦA TỪNG Bộ MÔN

* (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)
* (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:   * Như trên; * Lưu. | ĐƠN VỊ THẨM TRA  (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu) |

1. **Cấp giấy phép xây dựng (GPXD) đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã; trong khu bảo tồn, khu dỉ tích lịch sử - văn hóa, điếm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt thuộc địa bàn quản lý (trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dụng của cấp trung ương, cấp tỉnh)**
2. Trình tự thực hiện:

Bước 1:

* Chủ đầu tư nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố để thực hiện cấp GPXD. Sau khi kiểm tra, xem xét và ghi vào sổ nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận chuyển cho phòng có chức năng thẩm định hồ sơ.
* Phòng Quản lý đô thị sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định đúng thời hạn quy định.
* Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kiểm tra hồ sơ; ghi giây biên nhận và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

Bước 2:

* Trong thời gian 05 ngày làm việc kế từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa.

+ Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đâu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo.

+ Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.

* Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điếm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điêu kiện theo quy định để gửi văn bản kèm theo hồ sơ (trích lục hồ sơ hoặc bản mềm) lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.
* Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình.

Bước 3: Chủ đầu tư nhận kết quả và nộp phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố.

b) Cách thức thực hiện:

Chủ đầu tư nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của úy ban nhân dân Thành phố hoặc thông qua đường bưu điện.

1. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Thành phần hồ sơ:

**\* Đối với công trình không theo tuyến:**

* Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Úy ban nhân dân Thành phố;
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50- 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

**\* Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:**

* Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyên sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến;
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai;
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm:

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình tỷ lệ 1/100-1/500.

* **Đối với công trình quảng cáo (quy mô diện tích biển quảng cáo phải thục hiện cấp GPXD theo khoản 2 Điều 31 Luật quảng cáo, phân cấp thẳm quyền theo chiều cao kết cấu từ 28 m trở xuống):**
* Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của ủy ban nhân dân Thành phố;
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình đối với trường hợp thuê đất hoặc thuê công trình để xây dựng công trình quảng cáo;
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kê bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:
* Đối với trường hợp công trình xây dựng mới:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

* Đối với trường hợp biển quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp:

+ Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biến quảng cáo tỷ lệ

1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50 - 1/100.

* **Đối với công trình sửa chữa, cải tạo:**
* Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật

hoặc bản sao giấy phép xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 X 15cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hoá và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

* **Di dời công trình**:
* Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500.
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới.
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời gồm:

+ Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;

+ Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.

* Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại mục 3, mục 4 Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.
* **Đối** với **nhà ở riêng lẻ (từ** 7 **tầng trở xuống):**
* Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dụng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/50 - 1/500 kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/50 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệptin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

* Đối với công trình xây chen có tầng hầm, ngoài các tài liệu quy định tại diêm 1, 2, 3 nội dung này, hồ sơ còn phải bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận biện pháp thi công móng của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận.
* Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề.
* **Đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng có thời hạn:**

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn như quy định mới đối với từng loại công trình, nhà ở riêng lẻ. Riêng tiêu đề của đơn được đối thành “ Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn ”.

* **Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình, nhà ở riêng lẻ nêu trên, hồ sơ**’ **đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:**
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

Đối với nhà ở riêng lẻ dưới 03 tầng và có tổng diện tích sàn xây dụng nhỏ hơn 250m2, hộ gia đình có thể tự tổ chức thiết kế và chịu trách nhiệm về an toàn của công trình và các công trình lân cận.

* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản cam kết bảo đảm an toàn cho công trình liền kề đổi với trường hợp xây dựng nhà ở riêng lẻ có công trình liền kề.
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

**Số** lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ bản gốc và kèm theo tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp không có tệp tin bổ sung số lượng bản phô tô tùy theo số lượng hồ sơ cần lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức).

1. **Thời hạn giải quyết:**

* Đối với công trình: Không quá 20 ngày kế từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
* Đối với nhà ở riêng lẻ: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư (hoặc người được chủ đầu tư ủy quyền).

1. **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND Thành phố;
* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị

1. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của ủy ban nhân dân Thành phố hoặc thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do trong trường hợp không đủ điều kiện.

1. **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

* Phụ lục số 01 : Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng;
* Phụ lục số 3 Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết

kế

(Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

1. **Phí, lệ phí:**

* Lệ phí cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép.
* Lệ phí cấp giấy phép xây dựng công trình: 150.000 đồng/giấy phép.

(Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**k)** **Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không **quy** định

1. **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

* Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2016 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
* Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hưóng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;
* Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;
* Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng**

**(Phụ lục 01 Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm2016 của Bộ Xây dựng)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/Di dời công trình)

Kính gửi:

1. **Thông tin về chủ đầu tư:**

-Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

* Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
* Địa chỉ liên hệ:
* Số nhà: Đường/phố Phường/xã
* Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
* Số điện thoại:

1. **Thông tin công trình:**

* Địa điểm xây dựng:
* Lô đất số: Diện tích m2.
* Tại số nhà: Đường/phố
* Phường/xã Quận/huyện
* Tỉnh, thành phố:

1. **Nội dung đề nghị cấp phép:**

3.1. Đối với công trình không theo tuyến (và sử dụng cho Công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế):

- Loại công trình: cấp công trình:

- Diện tích xây dựng: m2.

- Cốt xây dựng: m

- Tổng diện tích sàn: m2(ghi rõ diện tích sàn các tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

tầng hầm, tầng trên mặt đất,

* Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt

đất, tầng lửng, tum).

* Số tầng: ...(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

1. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

* Loại công trình: cấp công trình:
* Tổng chiều dài công trình: m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua

từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

* Cốt của công trình: m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)
* Chiều cao tĩnh không của tuyến: m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
* Độ sâu công trình: m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

1. Đối với công trình quảng cáo:

* Loại công trình: cấp công trình:
* Diện tích xây dựng: m2.
* Cốt xây dựng: m
* Chiều cao công trình: m
* Nội dung quảng cáo:

1. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

* Cấp công trình:
* Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m2.
* Tổng diện tích sàn: m2 (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên

mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

* Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên

mặt đất, tầng lửng, tum).

* Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

1. Đối với trưòng hợp cải tạo, sửa chữa:

* Loại công trình: cấp công trình:
* Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m2.
* Tổng diện tích sàn: m2 (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất,

tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

* Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt

đất, tầng lửng, tum).

* Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

1. Đối với trưòng hợp di dời công trình:

* Công trình cần di dời:
* Loại công trình: cấp công trình:
* Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m2.
* Tồng diện tích sàn:
* Chiều cao công trình:
* Địa điểm công trình di dời đến:

m2.

* Lô đất số: Diện tích m2.

-Tại: Đường:

* Phường (xã) Quận (huyện)
* Tỉnh, thành phố:
* Số tầng:

1. Đon vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

-Tên đơn vị thiết kế:

* Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): số cấp ngày
* Tên chủ nhiệm thiết kế:
* Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do cấp ngày:
* Địa chỉ:
* Điện thoại:
* Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

1. Dự kiến thòi gian hoàn thành công trình: tháng.
2. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kẽm theo Đơn này các tài liêu:

1 -

2-

ngày tháng năm

Ngưòi làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

**Mẫu Bản kê khai năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế**

(Đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng

thẩm định thiết kế)

(Phụ lục số 3 Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm

2016 của Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc** lập **- Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỜ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ**

1. Tổ chức thiết kế:
   1. Tên:
   2. Địa chỉ:
   3. Số điện thoại:
   4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
   1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
4. 1. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
5. Số lượng:

Trong đó:

* Kiến trúc sư:
* Kỹ sư các loại:

1. Chủ nhiệm thiết kế:

* Họ và tên:
* Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
* Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):..

1. Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):

* Họ và tên:
* Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
* Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa

chỉ):

, Ngày tháng.... năm ....

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế

(Ký ghi rõ họ tên)

1. **Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa, điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng chi tiết được duyệt thuộc địa bàn quản lý (trừ các công trình thuộc thâm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, câp tỉnh)**

**a) Trình tự thực hiện:**

**\*Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng:**

**Bước 1:**

* Chủ đầu tư nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố để thực hiện Thành phố để thực hiện cấp GPXD. Sau khi kiểm tra, xem xét và ghi vào sổ nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận chuyển cho phòng có chức năng thẩm định hồ sơ.
* Phòng Quản lý đô thị sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tồ chức thẩm định đúng thời hạn quy định.
* Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

**Bước 2:**

* Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa.

+ Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo.

+ Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.

* Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định để gửi văn bản kèm theo hồ sơ (trích lục hồ sơ hoặc bản mềm) lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.
* Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình.

**\* Trường hợp gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng:**

* Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.
* Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân Thành phố cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm xem xét gia hạn giấy phép xây dựng hoặc cấp lại giấy phép xây dựng.

**Bước 3:**

Chủ đầu tư nhận kết quả và nộp lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố.

1. **Cách thức thực hiện:**

Chủ đầu tư nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố hoặc thông qua đường bưu điện.

1. **Thành phần, số lưọng hồ sơ:**

Thành phần hồ sơ:

\* Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng:

* Đơn đề nghị Điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;
* Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị Điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200;
* Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt Điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.
* Trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng:
* Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;
* Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;
* Trường hợp cấp lại giấy phép xây dựng:
* Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;
* Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).

Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ

1. **Thời hạn giải quyết:**

* Điều chỉnh giấy phép xây dựng: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
* Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: Không quá 05 ngày làm việc kê từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư hoặc người được chủ đầu tư ủy quyền

1. **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị

1. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép được điều chỉnh, gia hạn hoặc cấp lại.
2. **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Phụ lục số 2: Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng (Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

1. Phí, lệ phí: Mức thu lệ phí gia hạn giấy phép xây dựng: 15.000 đồng/ 1 lần.

(Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**k) Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

**ỉ) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2016 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
* Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng;
* Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Mẫu Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng

( Phụ lục số 2 Ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm2016 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tựdo - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):

* Người đại diện: Chức vụ:
* Địa chỉ liên hệ:
* Số nhà: Đường (phố) Phường (xã)
* Quận (huyện) Tỉnh, thành phố:
* Số điện thoại:

1. Địa điểm xây dựng:

* Lô đất số: Diện tích m2.
* Tại: Đường:
* Phường (xã) Quận (huyện)
* Tỉnh, thành phố:

1. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

1. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị eia hạn/cấp lại):
2. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

* Tên đơn vị thiết kế:
* Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): số .... cấp ngày

- Tên chủ nhiệm thiết kế:

* Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do
* Địa chỉ:
* Điện thoại:
* Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

1. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: tháng.
2. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tải liêu:

1 -

2 -

ngày tháng năm

Ngưòi làm đon/Đại diên chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

1. **Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình từ cấp III trở xuống do các phòng chuyên môn Thành phố chủ trì thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công.**
2. **Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:**

* Tối thiểu trước 10 ngày so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng đến Phòng Quản lý đô thị
* Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Quản lý đô thị thông báo bằng văn bản về kế hoạch kiểm tra

**Bước 2:**

Trong vòng 03 ngày làm việc Phòng Quản lý đô thị thông báo bằng văn bản về kế hoạch kiểm tra gửi chủ đầu tư (dự kiến kết thúc kiểm tra không vượt quá 10 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận báo cáo hợp lệ của chủ đầu tư). Phòng Quản lý đô thị được mời các to chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra (nếu cần thiết).

Bước **3**: Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu

Phòng Quản lý đô thị tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra. Trong trường hợp chủ đầu tư phải thực hiện giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có), thí nghiệm đối chúng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục, công trình theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì thời hạn nêu trên được tính từ khi chủ đàu tư hoàn thành các yêu cầu này.

Bước 4: Chủ đầu tư nhận kết quả và nộp lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố.

1. **Cách thức thực hiện:**

Chủ đầu tư nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố hoặc thông qua đường bưu điện.

1. **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Thành phần hồ sơ:

Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng, Kèm theo Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình.

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

1. Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư.

1. **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

* Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Phòng Quản lý đô thị
* Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý đô thị

1. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng

1. Phí, Lệ phí: (Chi phí để thực hiện đuợc tính trong tổng mức đầu tư và do chủ đầu tư thanh toán theo thực tế).
2. **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Mẫu 02 Phụ lục V: Báo cáo hoàn thành thi công xây dụng hạng mục công trình, công trình xây dựng

(Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng)

* Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Phụ lục III của Thông tư 26/2016/TT-BXD.

**k) Yêu cầu, điều kiện thục hiện thủ tục hành chính:** Không quy định

1. **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;
* Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
* Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
* Quỵết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Ban hành quy định một số nội dung quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Mẫu Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng

(Mẫu số 02 Phụ lục V Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng)

(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sô: ngày tháng năm

Kính gửi: (2)

(1) báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau :

BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG  
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng:
2. Địa điểm xây dựng
3. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
6. Khối lượng của các loại cồng việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
9. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.

Đề nghị ....(2).... tổ chức kiểm tra hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

Noi nhận: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP

* Như trên; **LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
* Lưu ... (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

pháp nhân)

Ghi chú:

1. Tên của chủ đầu tư.

(2) Phòng Quản lý đô thị.Mẫu Danh mục hồ sơhoàn thành công trình, hạng mục công trình

(Phụ lục III Kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD  
ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CỔNG TRÌNH

1. HỒ SỐ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG
2. Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng.
3. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
4. Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.
5. Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).
6. Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.
7. Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.
8. Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.
9. Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và các hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.
10. Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
11. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

II. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Nhiệm vụ khảo sát, phương'án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.
2. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
3. Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mực bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.
4. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
5. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.
6. HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XẨY DỰNG CỒNG TRÌNH
7. Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền
8. Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).
9. Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.
10. Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa.
11. Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công và quan trắc trong quá trình vận hành.
12. Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn cône trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.
13. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).
14. Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình.
15. Quy trình vận hành, khai thác công trình; quy trình bảo trì công trình.
16. Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:
17. Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;
18. An toàn phòng cháy, chữa cháy;
19. An toàn môi trường;
20. An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ; đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);
21. Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan; g) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
22. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).
23. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng.
24. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa công trình vào sử dụng.
25. Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.
26. Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Ghi chú: Ghi rõ số, ngày, tháng, năm, trích yếu của từng văn bản, tài liệu (nếu có) thuộc các danh mục nêu trên.